





Bộ môn Công nghệ Phần mềm
Viện CNTT & TT
Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội


LẬP TRÌNH HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG

Bài 11. Biểu tượng tác




Mục tiêu

- Mô tả mục đích của Biểu tượng tác
- Có khả năng phân loại Biểu tượng tác
- Nêu ra các thành phần chính trong biểu tượng và biểu tượng giao tiếp
- So sánh biểu tượng và biểu tượng giao tiếp




Nội dung

1. Biểu tượng tác
2. Biểu tượng trình
3. Biểu tượng giao tiếp




Nội dung

1. Biểu tượng tác
2. Biểu tượng trình
3. Biểu tượng giao tiếp

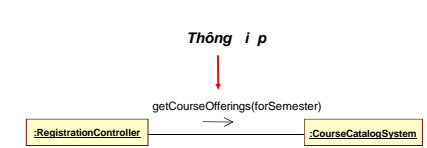


Các tính năng cơ bản của biểu tượng tác

- Các tính năng sẽ trở nên vô nghĩa nếu chúng không có tác dụng



Các tính năng của biểu tượng tác bằng thông điệp



```

sequenceDiagram
    participant Info as Thông điệp
    participant RC as :RegistrationController
    participant CCS as :CourseCatalogSystem
    Info->>RC
    RC->>CCS: getCourseOfferings(forSemester)
  
```

Biểu tượng tác (Interaction diagram)

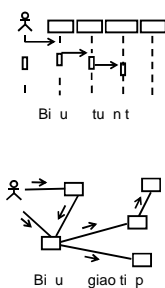
- Mô hình hóa phnng di nng c a h th ng

Biểu tượng tác là gì?

- Th h n t ng tác g a các i t ng.
 - (Sequence diagram)
 - (Communication diagram)
 - (Timing Diagram)
 - (Interaction Overview Diagram)

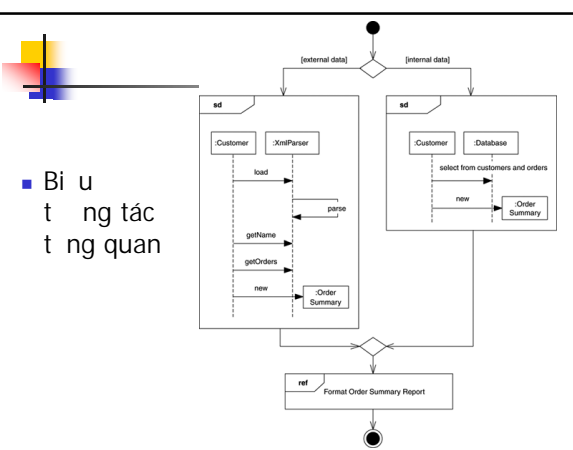
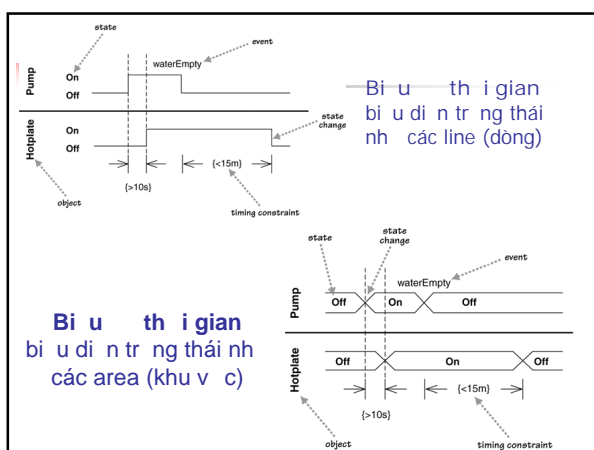
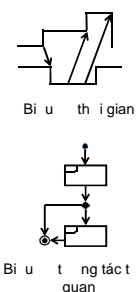
Các biểu tượng tác

- Biểu trình t
- Biểu giao ti p



Biểu tượng tác

- Biểu th i gian
- Biểu t ng tác t ng quan

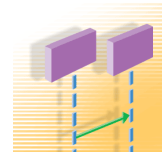


Nội dung

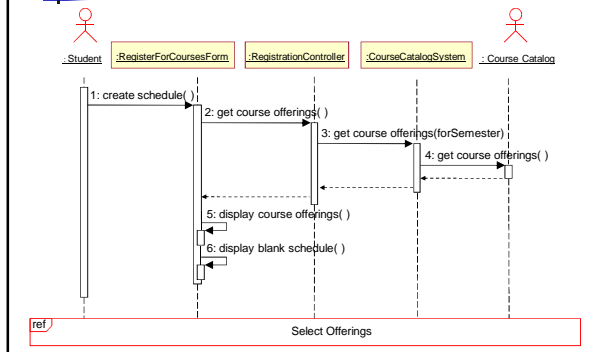
1. Biểu tượng tác
2. Biểu trình t
3. Biểu giao tiếp

Biểu trình t (Sequence Diagram – SD)

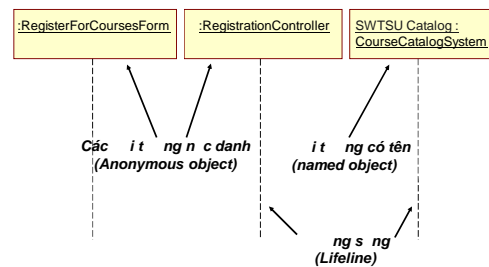
- Là một loại biểu tượng tác.



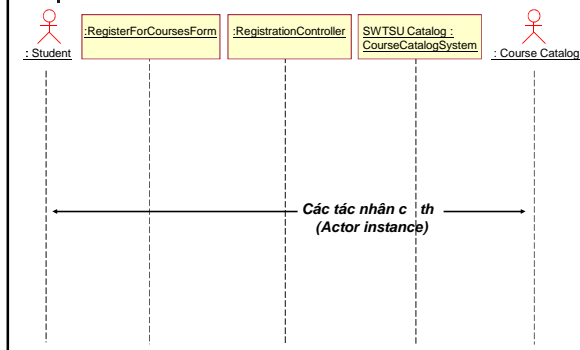
Ví dụ : SD for “Register for Course”, “Create a Schedule” sub-flow



Biểu trình t : i t n g



Biểu trình t : Tác nhân



Biểu trình t : Thông i p

